

Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí (DPM)

Khả quan
(+22,6%)

Giá hiện tại	VND22.100
Cao/thấp nhất 52 tuần	VND31.834/VND20.552
Giá mục tiêu	VND26.100
Cập nhật gần nhất	22.700
Consensus	-13%
Tiềm năng tăng giá	18,1%
Tỷ suất cổ tức	4,5%
Tổng tỷ suất sinh lời	22,6%

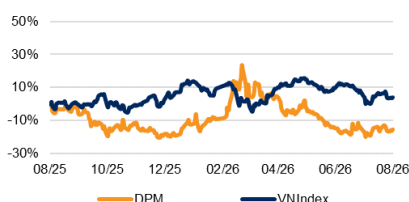
Triển vọng	Khả quan
Định giá	Khả quan
Phân tích kỹ thuật	Khả quan

Thị giá vốn (tr USD)	563,3
GTGDBQ 3 tháng (tr USD)	2,5
Sở hữu NN (tr USD)	263,0
SLCP lưu hành (tr)	679,9
SLCP pha loãng (tr)	679,9

	DPM	Ngành	VNI
P/E trượt	8,5x	11,5x	11,8x
P/B hiện tại	1,3x	1,3x	1,9x
ROA	9,6%	6,9%	2,6%
ROE	15,4%	13,0%	16,6%

*dữ liệu ngày 25/08/2026

Diễn biến giá



Giá CP (%)	1T	3T	12T
DPM	1,5%	-13,3%	-15,3%
Tương quan VNI	-0,5%	-9,4%	4,2%

Cơ cấu sở hữu

PVN	59,6%
Khác	40,4%

Tổng quan doanh nghiệp

DPM – một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực SX, KD các sản phẩm phân bón và hóa chất tại VN. Sản phẩm chính của DN là các sản phẩm phân bón như urê, NPK, kali, DAP và các hóa chất nông nghiệp chuyên dụng như NH₃, UFC85, v.v. Hiện nay, DPM dẫn đầu thị phần tiêu thụ urê nội địa với 38% thị phần.

Chuyên viên phân tích:



Dương Thị Thu Huệ

hue.duongthu@vndirect.com.vn

Giá urê thúc đẩy lợi nhuận, định giá hấp dẫn

- Chúng tôi nâng khuyến nghị lên Khả quan, với tiềm năng tăng giá 18,1% và tỷ suất cổ tức 4,5%. Chúng tôi nâng giá mục tiêu 15%, trong khi giá cổ phiếu đã giảm 9,1% kể từ báo cáo gần nhất của chúng tôi.
- Giá mục tiêu cao hơn chủ yếu do tác động ròng của việc điều chỉnh tăng mạnh dự phóng EPS 2026 và tăng giả định WACC.
- P/E trượt 12T ở mức 8,5x, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm là 15,1x, và chưa phản ánh đầy đủ mức định giá hiện tại của cổ phiếu.

Tiêu điểm tài chính

- Chúng tôi dự báo doanh thu thuần 2026 tăng mạnh 36,6% svck, chủ yếu do sản lượng tiêu thụ và giá bán urê tăng.
- Chúng tôi dự báo biên LN gộp mở rộng 1,8 điểm % svck lên 19,5% trong 2026, chủ yếu do giá bán urê tăng lần 4 đã tăng giá khí đầu vào.

Luận điểm đầu tư

Giá urê kỳ vọng hồi phục trong các tháng cuối năm, LN tiếp tục tăng trưởng

Sau khi giảm mạnh từ đỉnh tháng 3, chúng tôi kỳ vọng giá urê sẽ phục hồi dần trong các tháng cuối năm dưới áp lực của giá dầu thế giới và nhu cầu cao từ vụ Đông-Xuân trong nước. Dù giá dầu vẫn cao, chúng tôi đánh giá tác động tới giá khí của DPM trong nửa cuối 2026 được hạn chế một phần bởi tỷ trọng nguồn khí giá thấp cải thiện mạnh. Qua đó, biên LN gộp urê kỳ vọng duy trì cao hơn svck, tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng LN. Cho cả năm 2026, chúng tôi dự báo biên LN gộp urê mở rộng mạnh 5,2 điểm % svck lên 34,7%, trước khi trở về mức bình thường trong 2027.

Xuất khẩu urê và tiêu thụ NPK thúc đẩy tăng trưởng sản lượng tiêu thụ

Trái ngược với tiêu thụ urê nội địa suy yếu, xuất khẩu urê Việt Nam tăng mạnh 85% svck trong 7T26 nhờ cú sốc cung trong Q2/26. Dù nhu cầu và giá urê đã hạ nhiệt, chúng tôi dự báo xuất khẩu urê của DPM vẫn tăng 30% svck trong 2026 nhờ hiệu ứng tích cực nửa đầu năm. Bên cạnh đó, tiêu thụ NPK của DPM cũng tăng 15% svck trong 6T26 khi giá urê và DAP tăng mạnh thúc đẩy nhu cầu chuyển dịch sang NPK để tối ưu chi phí. Cùng với lợi thế về thương hiệu và hệ thống phân phối mạnh, chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ NPK tăng 35% svck trong 2026.

Hưởng lợi trong môi trường lãi suất cao nhờ lượng tiền mặt dồi dào

DPM sở hữu sức khỏe tài chính lành mạnh với lượng tiền & các khoản đầu tư ngắn hạn lên tới 9 nghìn tỷ đồng tại đầu năm 2026. Nguồn lực tiền mặt dồi dào kỳ vọng giúp DPM hưởng lợi đáng kể trong môi trường lãi suất cao duy trì trong năm 2026. Chúng tôi dự báo, doanh thu tài chính thuần của doanh nghiệp sẽ tăng khoảng 29,5% svck lên 418 tỷ đồng, đóng góp một phần vào tăng trưởng LNTT.

Định giá hấp dẫn và tiềm năng chi trả cổ tức tiền mặt bền vững

DPM hiện giao dịch ở mức P/E trượt 12T 8,5x, thấp hơn đáng kể P/E trung bình 5 năm (15,1x), trong khi chúng tôi dự báo LN 2026 tăng mạnh. Dù LN 2027 kỳ vọng giảm từ nền cao 2026, chúng tôi vẫn dự báo LN sẽ cao hơn đáng kể mức bình quân GD 2023-25 nhờ nguồn khí thuận lợi và đóng góp lớn hơn từ mảng NPK, trading. Chúng tôi cho rằng định giá hiện tại chưa phản ánh đầy đủ triển vọng LN và vị thế đầu ngành của DN. Cùng với triển vọng LN tích cực và lịch sử chi trả cổ tức đều đặn, chúng tôi kỳ vọng DPM sẽ duy trì mức cổ tức tiền mặt hấp dẫn trong 2026-27.

	2024	2025	2026	2027
Tăng trưởng doanh thu	-0,5%	22,7%	36,6%	-8,8%
Tăng trưởng EPS	3,5%	14,9%	93,3%	-28,2%
Biên LN gộp	14,1%	17,7%	19,5%	16,6%
Biên LN ròng	4,0%	6,5%	9,2%	7,2%
P/E (x)	16,1	14,0	7,2	10,1
P/B (x)	1,3	1,3	1,2	1,1
ROAE	4,7%	9,5%	16,9%	11,1%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

KQKD Q2/26: LN ròng tăng mạnh nhờ giá urê cao hơn và hoạt động trading tích cực

Hình 1: Tóm tắt KQKD Q2/26

Tỷ đồng	Q2/26	%svck	6T26	%svck	2026	6T26 sv dự phóng 2026
Doanh thu thuần	6.986	31,8%	12.609	33,8%	15.612	80,8%
LN gộp	1.665	85,6%	2.606	67,9%	2.637	98,8%
Doanh thu tài chính thuần	151	164,0%	188	200,3%	209	90,1%
Chi phí BH&QLDN	726	59,7%	1.190	37,6%	1.656	71,9%
LN trước thuế	1.116	122,4%	1.631	116,1%	1.197	136,2%
LN ròng	906	124,8%	1.308	115,2%	962	135,9%
Biên LN gộp	23,8%	6,9 điểm %	20,7%	4,2 điểm %	7,7%	
Biên LN ròng	13,0%	5,4 điểm %	10,4%	3,9 điểm %	6,2%	

Nguồn: DPM, VNDIRECT RESEARCH

Doanh thu Q2/26 tăng nhờ sản lượng tiêu thụ và giá bán tăng mạnh

Doanh thu thuần Q2/26 tăng mạnh 31,8% svck lên 6,9 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ sản lượng tiêu thụ tăng, đặc biệt ở mảng NPK và trading, cùng với giá bán dự kiến tăng mạnh, đặc biệt là giá urê. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ NPK trong nửa đầu 2026 ước tăng 15,4% svck lên 144,2 nghìn tấn, trong khi sản lượng trading ước tăng mạnh 42,0% svck lên 325,2 nghìn tấn. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng giá bán urê của DPM cũng tăng mạnh theo xu hướng giá urê thế giới, với giá urê Trung Đông bình quân tăng 80% svck trong Q2/26, qua đó hỗ trợ tăng trưởng doanh thu.

Biên LN gộp Q2/26 mở rộng mạnh nhờ giá urê tăng

Biên LN gộp hợp nhất Q2/26 mở rộng 6,9 điểm % svck lên 23,8%, dường như được hỗ trợ bởi đà tăng mạnh của giá bán urê và các loại phân bón khác trong kỳ, hoàn toàn lấn át tác động từ giá khí tăng. Tăng trưởng doanh thu cùng với biên LN gộp mở rộng đã giúp LN gộp tăng 85,6% svck lên 1,6 nghìn tỷ đồng.

LN ròng Q2/26 tăng vọt nhờ doanh thu và biên LN gộp mở rộng; LN ròng nửa đầu 2026 vượt kỳ vọng của chúng tôi

Doanh thu tài chính thuần Q2/26 tăng mạnh 164,0% svck lên 151 tỷ đồng, chủ yếu nhờ thu nhập lãi tiền gửi tăng 87,8% svck lên 177,8 tỷ đồng, trong khi chi phí tài chính giảm nhẹ. Trong khi đó, chi phí BH&QLDN cũng tăng mạnh 59,7% svck lên 726 tỷ đồng, chủ yếu do tăng trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, chi phí an sinh xã hội và các chi phí quản lý khác, phù hợp với tăng trưởng sản lượng kinh doanh. Nhìn chung, LN ròng Q2/26 tăng mạnh 124,8% svck lên 906 tỷ đồng, nhờ DT tăng và biên LN gộp mở rộng.

Tóm lại, doanh thu thuần nửa đầu 2026 tăng 33,8% svck, hoàn thành 80,8% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi. Trong khi đó, LN ròng nửa đầu 2026 tăng mạnh 115,2% svck, vượt kỳ vọng của chúng tôi và hoàn thành 135,9% dự báo cả năm 2026.

Triển vọng 2026-27: Giá bán và sản lượng tiêu thụ tăng thúc đẩy lợi nhuận

Hình 2: Dự phóng KQKD giai đoạn 2026/27

Tỷ đồng	Thực tế 2025	Cũ 2026	2027	Mới 2026	2027	% svck 2026	2027	% thay đổi 2026	2027	Nhận xét
Giá dầu Brent (USD/thùng)	68	62	64	85	70	24,6%	-17,6%	37,1%	9,4%	Tăng dự báo giá dầu Brent năm 2026, chủ yếu do tác động của căng thẳng Trung Đông từ cuối Q1/26.
Giá khí trung bình - bao gồm VAT (USD/mmbtu)	10,4	10,2	10,5	11,3	10,2	8,7%	-9,7%	10,8%	-2,9%	Tăng dự báo giá khí 2026 theo đà tăng của giá dầu, dù mức tăng được hạn chế nhờ tỷ trọng nguồn khí chi phí thấp cải thiện.
Giá bán urê trung bình (VND/kg)	10.678	9.879	9.619	12.381	10.338	15,9%	-16,5%	25,3%	7,5%	Tăng dự báo giá bán urê 2026, chủ yếu do giá urê tăng mạnh trong Q2/26 khi nguồn cung qua eo biển Hormuz gián đoạn, qua đó nâng mặt bằng giá bình quân cả năm.
Sản lượng bán hàng (nghìn tấn)										
- Urê	823	873	802	867	847	5,3%	-2,3%	-0,7%	5,6%	
- NPK	184	201	211	248	223	34,8%	-10,1%	23,4%	5,7%	Tăng dự báo sản lượng tiêu thụ NPK 2026 nhờ sản lượng 6T26 tăng mạnh hơn dự kiến, phản ánh nhu cầu tích cực hơn.
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	16.564	15.612	15.259	22.632	20.632	36,6%	-8,8%	45,0%	35,2%	
- Urê	8.785	8.195	7.717	10.733	8.755	22,2%	-18,4%	31,0%	13,5%	Tăng dự báo doanh thu urê năm 2026 do tăng dự báo giá bán bình quân và sản lượng tiêu thụ.
- NPK	2.256	2.216	2.373	3.286	2.691	45,7%	-18,1%	48,3%	13,4%	Tăng dự báo doanh thu NPK năm 2026 do tăng dự báo sản lượng tiêu thụ và giá bán.
- Khác	5.523	5.201	12.886	8.613	9.186	55,9%	6,6%	65,6%	-28,7%	Tăng mạnh dự báo doanh thu khác năm 2026, chủ yếu do tăng dự báo sản lượng trading.
LN gộp	2.939	2.637	2.479	4.417	3.419	50,3%	-22,6%	67,5%	37,9%	Tăng dự báo LN gộp năm 2026 do dự báo doanh thu tăng và biên LN gộp mở rộng.
Biên LN gộp	17,7%	16,9%	16,2%	19,5%	16,6%	1,8 điểm %	-2,9 điểm %	2,6 điểm %	0,4 điểm %	Tăng dự báo biên LN gộp 2026 chủ yếu do biên LN gộp urê kỳ vọng mở rộng mạnh mẽ.
Chi phí bán hàng	1.017	978	971	1.143	1042	12,4%	-8,8%	16,9%	7,3%	Tăng dự báo chi phí BH 2026, phù hợp với tăng trưởng doanh thu.
Chi phí QLDN	912	678	663	1.097	875	20,3%	-20,2%	61,8%	32,1%	Tăng mạnh dự báo chi phí QLDN chủ yếu do doanh nghiệp tăng mạnh phân tích quỹ phát triển khoa học và công nghệ, chi phí an sinh xã hội và các chi phí quản lý khác trong 6T26.
Doanh thu tài chính thuần	322	209	230	418	350	29,5%	-16,3%	100,0%	52,1%	Tăng mạnh dự báo doanh thu tài chính thuần năm 2026, chủ yếu do tăng dự báo thu nhập tiền gửi trong bối cảnh quy mô tiền gửi của doanh nghiệp tăng và môi trường lãi suất cao trong 2026.
Lợi nhuận khác	18,0	5	5	19,0	22,4	5,6%	17,9%	272,5%	348,0%	
LN trước thuế	1.353	1.197	1083	2.616	1.877	93,3%	-28,3%	118,5%	73,4%	
LN ròng	1.074	962	870	2.076	1.489	93,3%	-28,3%	115,8%	71,2%	
EPS (VND)	1.579	1.415	1.279	3.053	2.190	93,4%	-28,3%	115,8%	71,2%	

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Giá urê tăng lần 4 thúc đẩy giá dầu, biên LN gộp urê dự kiến mở rộng mạnh mẽ

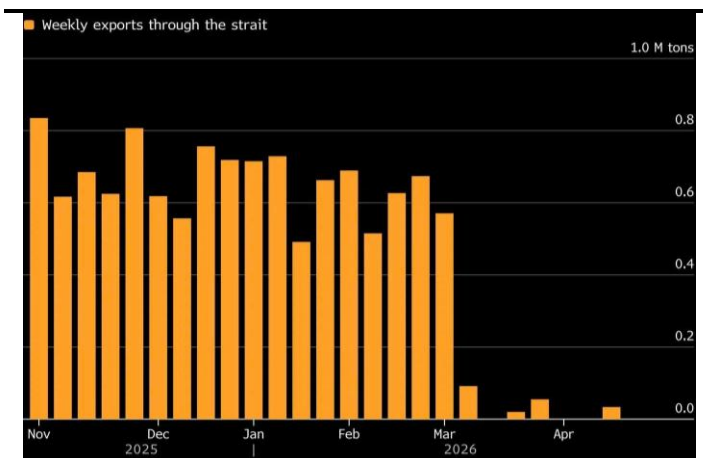
Dù hạ nhiệt từ đỉnh, giá urê trung bình 2026 kỳ vọng vẫn tăng đáng kể...

Nguồn cung tăng mạnh và eo biển Hormuz mở cửa trở lại đẩy giá urê sụt giảm mạnh từ đỉnh

Căng thẳng Iran–Israel (có sự tham gia của Mỹ) leo thang từ cuối tháng 2/2026 đã khiến hoạt động vận chuyển qua eo biển Hormuz rơi vào trạng thái gián đoạn kéo dài, làm suy giảm mạnh dòng chảy phân bón từ Trung Đông – khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong thương mại urê toàn cầu. Theo dữ liệu theo dõi tàu biển của AIS (Automatic Identification System) và Ifchor Galbraiths Research, tính đến ngày 15/06/2026 vẫn còn khoảng 1,32 triệu tấn phân bón và nguyên liệu bị đình trệ trong khu vực Hormuz, trong đó riêng urê khoảng 0,4 triệu tấn. Cú sốc

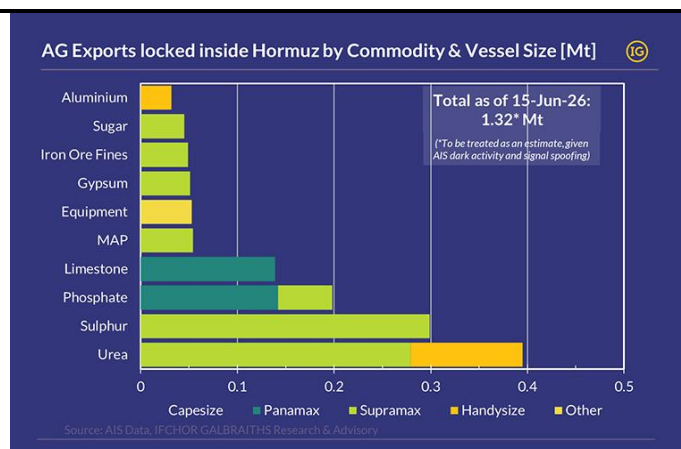
logistics này đã góp phần đẩy giá urê thế giới tăng mạnh trong Q2/26 (tăng gấp 2,3 lần so với đầu 2026), bên cạnh tâm lý tích trữ của các nhà nhập khẩu lớn.

Hình 3: Sản lượng xuất khẩu phân bón qua eo biển Hormuz sụt giảm mạnh trong Q2/26 khiến giá urê thế giới tăng vọt



Nguồn: KPLER, BLOOMBERG

Hình 4: Thỏa thuận ngừng bắn 60 ngày giữa Mỹ và Iran mở đường cho gần nửa triệu tấn urê bị mắc kẹt tại eo biển Hormuz...

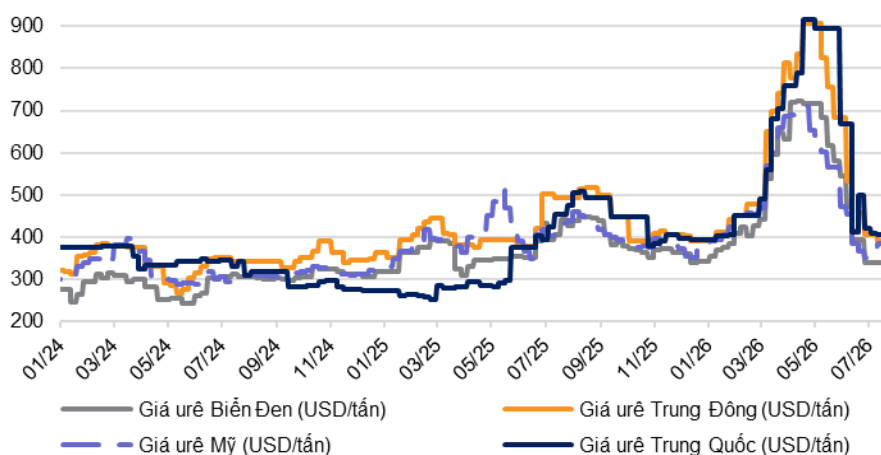


Ghi chú: Dữ liệu tính đến ngày 15/6/2026

Nguồn: AIS DATA, IFCHOR GALBRAITHS RESEARCH & ADVISORY

Từ giữa tháng 6/2026, hoạt động hàng hải tại Hormuz dần cải thiện sau khi Mỹ và Iran đạt được thỏa thuận ngừng bắn tạm thời trong 60 ngày, qua đó giúp giải phóng lượng hàng tồn đọng trên biển cũng như tồn kho tích lũy tại các nhà máy Trung Đông. Cùng thời điểm, Trung Quốc bắt đầu cấp lại quota xuất khẩu urê cho giai đoạn tháng 6-8/2026 với khối lượng khoảng 2 triệu tấn. Theo Keyuan Fertilizer, tính cả các lô hàng đã được cấp phép và xuất khẩu trước đó, tổng quota đã được cấp và lũy kế xuất khẩu của Trung Quốc đã lên khoảng 3,3 triệu tấn kể từ đầu năm. Chúng tôi cũng lưu ý rằng Trung Quốc nhiều khả năng tiếp tục tham gia mạnh vào phiên thầu nhập khẩu urê cuối tháng 8 của Ấn Độ, qua đó khiến tổng xuất khẩu urê 2026 dự báo vượt 5,5 triệu tấn (cao hơn mức 4,9 triệu tấn trong 2025). Sự kết hợp giữa việc giảm căng thẳng tại Hormuz, hoạt động logistics được nối lại và nguồn cung từ Trung Quốc quay trở lại đã khiến giá urê thế giới giảm mạnh về mức trước xung đột (-57% từ đỉnh tháng 5).

Hình 5: ...cùng với việc mở cửa ô ạt từ Trung Quốc đẩy giá urê quay đầu giảm mạnh ngay sau đà tăng



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Giá bán urê trung bình 2026 của DPM kỳ vọng vẫn tăng đáng kể nhờ động lực trong nửa đầu năm

Gần đây, các vụ đụng độ quy mô nhỏ tái xuất hiện tại khu vực Iran cho thấy rủi ro đối với eo biển Hormuz vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Vì vậy, dù thị trường urê đang trong xu hướng điều chỉnh, những lo ngại về gián đoạn nguồn cung và logistics vẫn tiếp tục hiện hữu. Sau khi giảm mạnh xuống dưới mức 370 USD/tấn vào cuối tháng 7, giá hợp đồng tương lai urê đang dần tìm lại điểm cân bằng trong vùng 400–450 USD/tấn. Chúng tôi cho rằng mặt bằng giá urê trong nửa cuối 2026 sẽ thấp hơn đáng kể so với nửa đầu năm, nhưng dư địa giảm tiếp không còn nhiều khi giá dầu Brent hiện vẫn duy trì quanh USD90/thùng, tiếp tục tạo áp lực lên chi phí năng lượng và chi phí sản xuất phân bón.

Hình 6: Giá hợp đồng tương lai urê đang tìm điểm cân bằng mới, trong khi giá dầu Brent vẫn cao hơn đáng kể trước khi chiến tranh Trung Đông bùng nổ



Nguồn: TRADING ECONOMICS

Đối với DPM, chúng tôi dự báo giá bán urê bình quân trong nửa cuối 2026 sẽ giảm so với nửa đầu năm, theo xu hướng thế giới (nhưng vẫn cao hơn svck do giá dầu vẫn ở mức cao và rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng vẫn hiện hữu). Chúng tôi dự báo giá bán bình quân cả năm tăng 16% svck lên 12,3 triệu đồng/tấn nhờ hiệu ứng tích cực từ nửa đầu năm. Sang 2027, chúng tôi dự báo giá bán bình quân giảm khoảng 16,5% svck, với giá định căng thẳng địa chính trị dần chầm dứt và giá dầu Brent hạ về vùng USD70/thùng.

... hỗ trợ biên LN gộp urê 2026 mở rộng bất chấp áp lực giá khí gia tăng

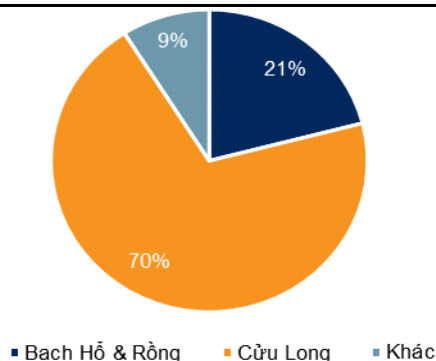
Giá khí đầu vào dự kiến tăng theo xu hướng giá dầu...

Sau khi căng thẳng Trung Đông hạ nhiệt, giá dầu Brent/FO Singapore cũng giảm 25%/29% từ đỉnh, tuy nhiên vẫn cao hơn đáng kể so với giai đoạn trước xung đột, cho thấy thị trường vẫn duy trì một mức phân bù rủi ro nhất định đối với khu vực Trung Đông. Chúng tôi dự báo giá dầu Brent bình quân trong nửa cuối 2026 ở mức ~80 USD/thùng, thấp hơn mức trung bình 88 USD/thùng trong 6T26, và dự báo dầu Brent bình quân cả năm 2026 tăng 24,7% svck lên 85 USD/thùng. Theo đó, giá dầu FO Singapore kỳ vọng cũng tăng tương ứng.

Với DPM, chúng tôi cho rằng tác động của giá dầu lên chi phí khí trong 2026 sẽ giảm bớt đáng kể nhờ cơ cấu nguồn khí thuận lợi hơn. Tỷ trọng nguồn khí có chi phí thấp từ mỏ Bạch Hổ trong 6T26 đã tăng mạnh lên khoảng 21%, phản ánh hoạt động khai thác thượng nguồn tích cực hơn và sản lượng khí nội địa

cải thiện. Chúng tôi dự báo tỷ trọng nguồn khí Bạch Hổ sẽ duy trì 20% trong cơ cấu nguồn khí năm 2026, qua đó tiếp tục hỗ trợ giảm áp lực chi phí khí đầu vào. Cùng với đó, tác động từ Luật Thuế GTGT sửa đổi kỳ vọng sẽ bù đắp một phần đà tăng của giá dầu. Trên cơ sở giả định giá dầu Brent bình quân 2026 ở mức 85 USD/thùng, chúng tôi dự báo giá khí đầu vào của DPM chỉ tăng 8,5% svck lên 11,3 USD/mmbtu trong năm 2026. Năm 2027, chúng tôi dự báo giá khí giảm 9,2% svck, với giả định giá dầu Brent hạ về vùng 70 USD/thùng khi căng thẳng địa chính trị dần lắng dịu và thị trường năng lượng toàn cầu cân bằng hơn.

Hình 7: Tỷ trọng nguồn khí đầu vào sản xuất urê của DPM trong 6T26

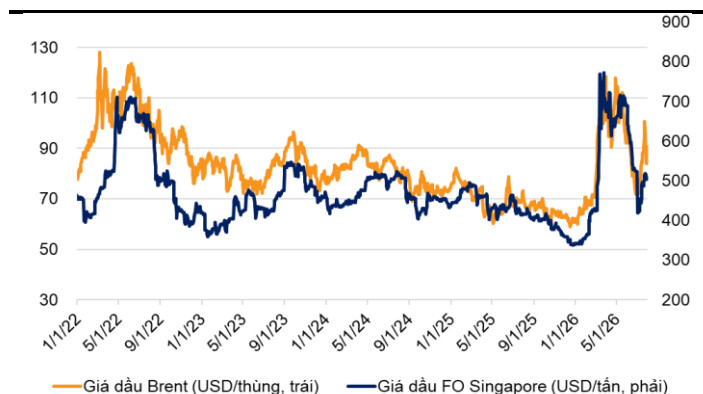


Nguồn: DPM, VNDIRECT RESEARCH

... nhưng đà tăng giá bán kỳ vọng vẫn giúp biên LN gộp urê mở rộng mạnh

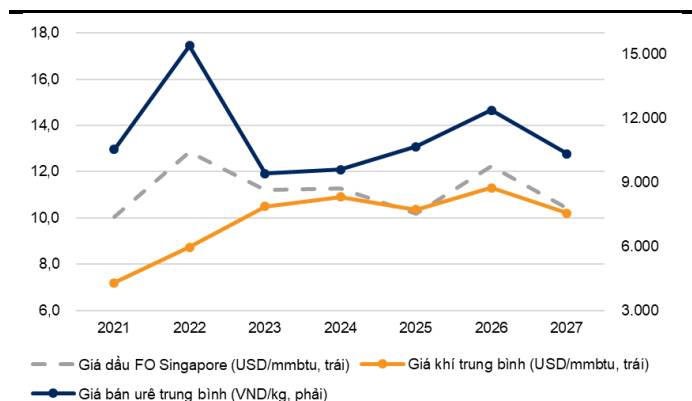
Dù giá khí đầu vào dự kiến tăng đáng kể trong 2026, chúng tôi lưu ý rằng chi phí khí đầu vào ước tính chỉ chiếm khoảng 70–75% giá vốn sản xuất urê của DPM. Ngoài ra, giá bán urê kỳ vọng tăng mạnh hơn mức tăng của giá khí đầu vào (+16% svck) kỳ vọng giúp biên LN gộp urê mở rộng đáng kể. Trên cơ sở đó, chúng tôi dự báo biên LN gộp urê của DPM sẽ mở rộng 5,2 điểm % svck lên 34,7% trong 2026, mức cao nhất kể từ chu kỳ giá urê 2021-22. Sang năm 2027, chúng tôi dự báo biên LN gộp urê thu hẹp khoảng 6 điểm %, chủ yếu do triển vọng giá bán urê giảm nhanh hơn tốc độ điều chỉnh của chi phí khí đầu vào, qua đó đưa biên LN gộp dần trở về mặt bằng bình thường trước xung đột.

Hình 8: Giá dầu Brent/FO Singapore sụt giảm đáng kể từ đỉnh tháng 5 những vẫn ở mức cao trước xung đột



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT

Hình 9: Biên LN gộp urê kỳ vọng mở rộng đáng kể nhờ giá bán trung bình tăng mạnh



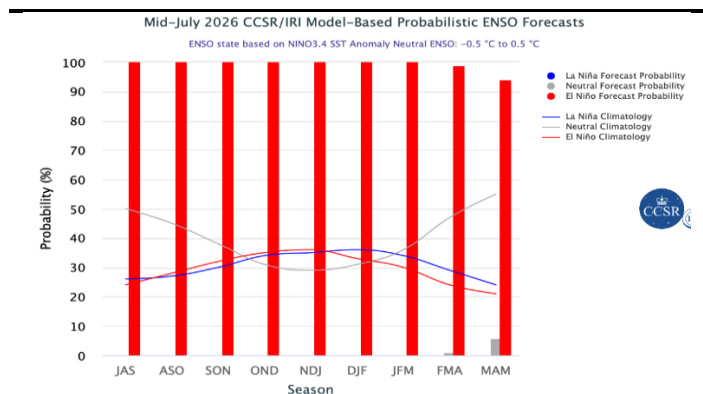
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Xuất khẩu tăng mạnh thúc đẩy sản lượng tiêu thụ urê trong 2026

Tiêu thụ urê trong nước dự báo giảm nhẹ do thời tiết cực đoan và khả năng chi trả kém...

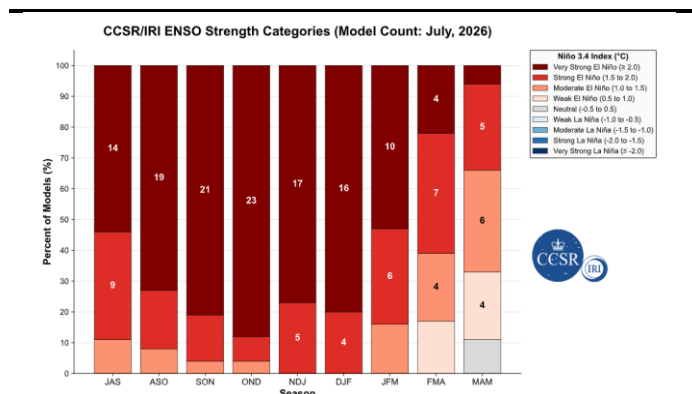
ENSO chuyển sang pha El Niño trong 2026, kéo theo thời tiết nắng nóng, khô hạn gia tăng tại ĐNA, trong đó có Việt Nam. IRI dự báo El Niño sẽ duy trì ở cường độ mạnh trong nửa cuối 2026, qua đó tiếp tục gây bất lợi cho hoạt động canh tác nông nghiệp và nhu cầu sử dụng phân bón trong nước. Bên cạnh đó, giá ure tăng mạnh trong 6T26 trong khi giá nông sản vẫn ở mức thấp tiếp tục gây áp lực lên khả năng chi trả của nông dân. Chúng tôi dự báo tiêu thụ ure nội địa năm 2026 giảm nhẹ 1% svck xuống 647,000 tấn, từ mức nền thấp 2025, và có thể hồi phục 2% svck trong 2027 khi thời tiết dự báo trở nên trung tính hơn.

Hình 10: El nino được dự báo xảy ra trong phần lớn 2026...



Nguồn: IRI

Hình 11: ... với cường độ mạnh có thể cản trở hoạt động canh tác nông nghiệp

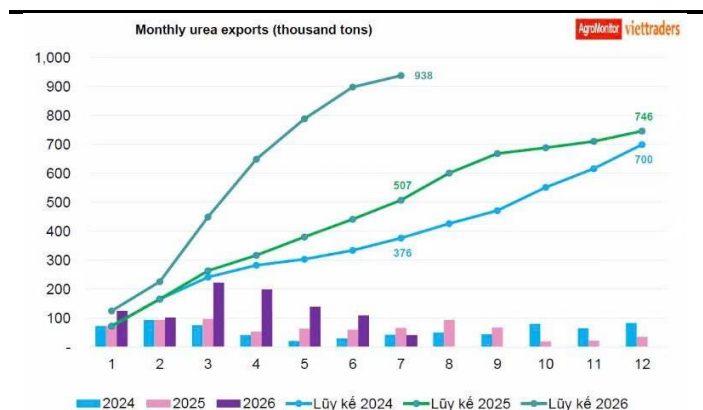


Nguồn: IRI

...nhưng sản lượng xuất khẩu tăng mạnh sẽ hỗ trợ tăng trưởng tiêu thụ ure cả năm

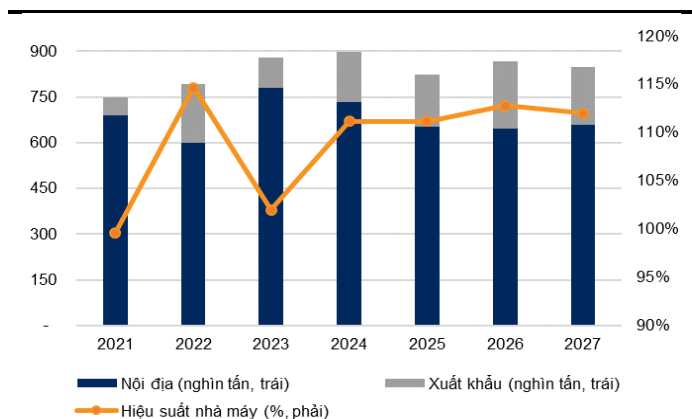
Trái ngược với tình hình tiêu thụ nội địa, xuất khẩu ure Việt Nam tăng mạnh 85% svck lên 938 nghìn tấn trong 7T26, nhờ giá và nhu cầu thế giới tăng cao. Riêng DPM, sản lượng xuất khẩu ure ước đạt 158 nghìn tấn trong 6T26. Mặc dù giá ure và nhu cầu thế giới đã hạ nhiệt từ cuối Q2/26 khi nguồn cung Trung Quốc và Trung Đông dần trở lại, chúng tôi dự báo sản lượng xuất khẩu ure của DPM trong cả năm 2026 tăng 30% svck lên 220 nghìn tấn nhờ hiệu ứng tích cực trong nửa đầu năm. Chúng tôi cho rằng, xuất khẩu sẽ dẫn dắt tăng trưởng sản lượng tiêu thụ ure năm 2026 lên 867 nghìn tấn (+5,4% svck) trước khi hạ nhiệt nhẹ trong 2027 khi cung cầu thế giới trở nên cân bằng hơn.

Hình 12: Sản lượng xuất khẩu ure Việt Nam tăng mạnh trong 7T26



Nguồn: AGRIMONITOR

Hình 13: Xuất khẩu kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng tiêu thụ ure của DPM trong 2026

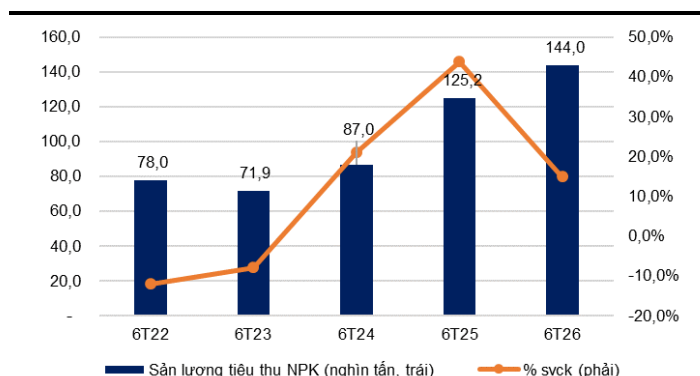


Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Sản lượng tiêu thụ NPK kỳ vọng tăng đáng kể trong 2026

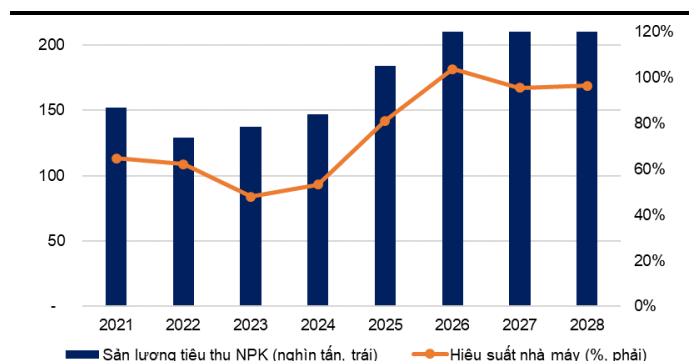
Sản lượng tiêu thụ NPK của DPM trong 6T26 tăng 15% svck lên 144 nghìn tấn, cho thấy doanh nghiệp tiếp tục mở rộng thị phần trong bối cảnh nhu cầu đối với phân bón phức hợp chất lượng cao tăng. Đặc biệt, giá các loại phân đơn chính như urê và DAP tăng mạnh trong 6T26, trong khi giá NPK tăng chậm hơn, thúc đẩy nông dân chuyển một phần sang NPK để tối ưu chi phí. Xu hướng này thuận lợi cho DPM khi nguồn cung NPK trong nước tương đối phân mảnh, trong khi doanh nghiệp có lợi thế về thương hiệu và hệ thống phân phối. Trong nửa cuối 2026, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu NPK tiếp tục tích cực, đặc biệt trong Q4/26 khi thị trường nội địa bước vào vụ Đông – Xuân. Theo đó, chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ NPK tăng 35% svck lên khoảng 248 nghìn tấn trong 2026.

Hình 14: Sản lượng tiêu thụ NPK trong 6T26 tiếp tục tăng trưởng



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: Dự báo sản lượng tiêu thụ NPK 2026-28

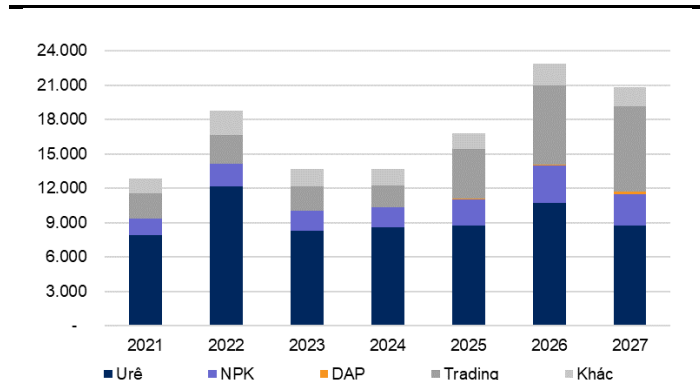


Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Chúng tôi dự báo LN ròng 2026 tiếp tục tăng mạnh

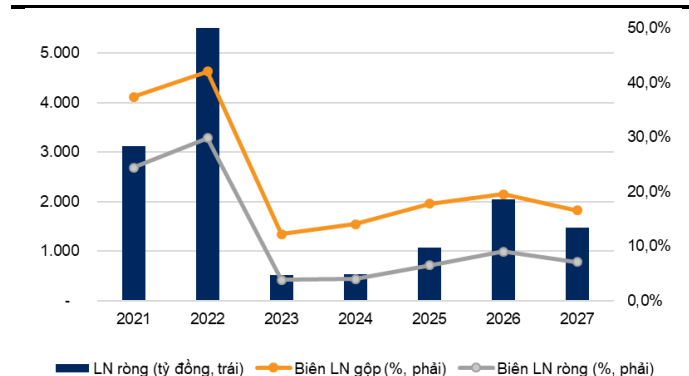
Tóm lại, chúng tôi dự báo DT thuần 2026 tăng mạnh 36,6% svck lên 22,6 nghìn tỷ đồng chủ yếu do sản lượng xuất khẩu và giá bán urê tăng mạnh. Chúng tôi kỳ vọng biên LN gộp 2026 mở rộng 1,8 điểm % svck lên 19,5% nhờ giá bán urê tăng mạnh hơn đà tăng giá khí đầu vào. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng DPM sẽ hưởng lợi đáng kể nhờ lượng tiền mặt dồi dào trong môi trường lãi suất cao năm 2026, với doanh thu tài chính thuần dự báo tăng 29,5% svck lên 418 tỷ đồng. Theo đó, LN ròng 2026 kỳ vọng tăng vọt 93,3% svck lên 2 nghìn tỷ đồng trước khi trở về mức cân bằng hơn trong 2027 khi thị trường phân bón toàn cầu ổn định hơn.

Hình 16: Dự báo doanh thu theo mảng kinh doanh giai đoạn 2026-27 (tỷ đồng)



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: Dự báo LN ròng và biên LN gộp giai đoạn 2026-27



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Định giá: Nâng khuyến nghị lên Khả quan với giá mục tiêu cao hơn là 26.100đ

Chúng tôi tăng giá mục tiêu 15% lên 26.100 đồng/cổ phiếu, vẫn dựa trên phương pháp định giá DCF kết hợp với hệ số P/B mục tiêu với tỷ trọng bằng nhau. P/B mục tiêu của chúng tôi cho DPM vẫn là 1,2x (P/B trung bình của DPM giai đoạn 8/2023–12/2025).

Giá mục tiêu tăng chủ yếu do tác động ròng của: 1) tăng mạnh dự báo EPS năm 2026; 2) điều chỉnh tăng WACC từ 10,9% lên 12,1%, phản ánh lãi suất phi rủi ro tăng từ 3,6% lên 4,4% và phần bù rủi ro thị trường giảm từ 8,13% xuống 7,92%. Chúng tôi cho rằng, mặc dù giá urê đang trong xu hướng giảm sau đà tăng nóng trong Q2/26, triển vọng LN năm 2026 vẫn rất tích cực. Cùng với giá cổ phiếu đã chiết khấu khoảng 30% so với đỉnh tháng 3, chúng tôi cho rằng mức định giá hiện tại đã hấp dẫn hơn, qua đó nâng khuyến nghị lên Khả quan.

Hình 18: Giá mục tiêu hỗn hợp

Phương pháp	Giá trị cổ phiếu (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá mục tiêu theo tỷ trọng (đồng)
DCF	27.566	50%	13.783
P/B (1,2x)	24.613	50%	12.307
Giá trị hợp lý (đồng)			26.090
Giá mục tiêu (đồng)			26.100

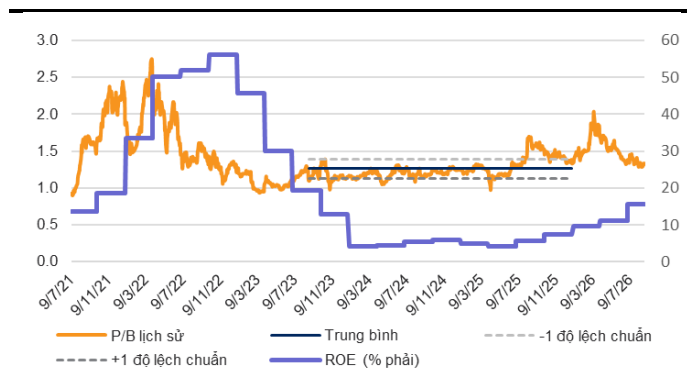
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: P/E lịch sử của DPM



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 20: P/B lịch sử của DPM



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 21: Chi phí VCSH

Chi phí VCSH	
Lãi suất phi rủi ro	4,4%
Phần bù rủi ro thị trường	7,9%
Beta	1,1
Chi phí VCSH	13,5%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 22: WACC và tỷ lệ tăng trưởng dài hạn

Tỷ đồng	
VCSH	11.545
Nợ	3.232
Chi phí nợ	4,1%
Mức thuế	19,0%
WACC	12,1%
Tăng trưởng dài hạn	0,5%

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 23: Định giá DCF – Tóm tắt dòng tiền tự do

Tỷ đồng	Nửa cuối 2026	2027	2028	2029	2030
LN ròng	768	1.489	1.337	1.245	1.225
Thuế khả dụng	19,0%	19,0%	19,0%	19,0%	19,0%
Chi phí lãi vay	99	117	88	73	73
+ Thay đổi vốn lưu động	(401)	196	(204)	(159)	(150)
- Capex	(105)	(200)	(80)	(180)	(180)
+ Chi phí khấu hao	244	449	454	347	367
Dòng tiền tự do FCFF	587	2.029	1.579	1.312	1.321
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do FCFF	554	1.709	1.186	879	789
Tổng giá trị hiện tại của dòng tiền tự do FCFF (5 năm)					5.117
Giá trị hiện tại của dòng tiền cuối					6.825
Tổng giá trị hiện tại của doanh nghiệp					11.942

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Hình 24: Phân tích độ nhạy cho định giá DCF

Tăng trưởng dài hạn (%)	Cơ sở	Chi phí VCSH (%)				
		Cơ sở				
		12,5%	13,0%	13,5%	14,0%	14,5%
		0,0%	0,2%	0,5%	0,8%	1,1%
		28.382	27.737	27.105	26.578	26.056
		28.598	27.934	27.285	26.744	26.209
		28.937	28.243	27.566	27.004	26.448
		29.295	28.570	27.863	27.278	26.699
		29.675	28.915	28.176	27.565	26.963

Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Tiềm năng tăng giá và rủi ro giảm giá

- Các yếu tố thúc đẩy việc định giá lại bao gồm sản lượng bán hàng cao hơn, giá bán cao hơn và tác động tích cực của luật thuế GTGT mới.
- Rủi ro giảm giá là chi phí khí đầu vào cao hơn dự kiến và giá urê/NPK giảm do giá urê toàn cầu giảm

Hình 25: So sánh các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty	Mã CK	Giá (nội tệ)	Vốn hóa (triệu USD)	P/E trượt 12T (x)	P/B hiện tại (x)	ROE trượt 12T (%)	ROA trượt 12T (%)	Nợ/VCSH (%)
CTCP phân bón Miền Nam	SFG VN	10.500	19	12,9	0,7	5,9%	2,1%	148,6
CTCP supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao	LAS VN	12.100	52	15,5	0,9	5,6%	3,4%	48,4
CTCP phân bón dầu khí Cà Mau	DCM VN	30.850	634	7,2	1,4	21,3%	13,2%	21,1
CTCP phân bón Bình Điền	BFC VN	47.950	104	11,7	1,8	16,8%	6,4%	81,0
Trung bình				11,2	1,3	13,0%	6,9%	67,0
Tổng công ty phân bón và hóa chất dầu khí	DPM VN	22.100	563	8,5	1,3	15,4%	9,6%	36,1

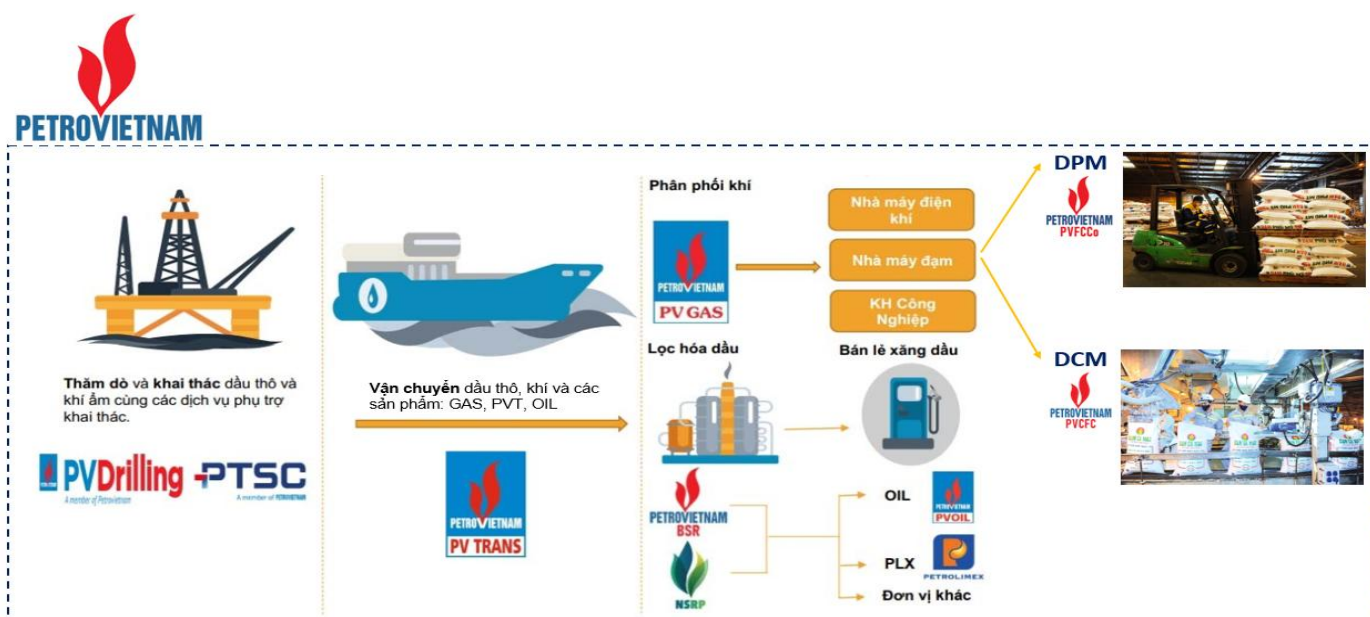
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH (DỮ LIỆU NGÀY 25/08/2026)

Phụ lục 1: Tổng quan doanh nghiệp

Dẫn đầu ngành phân bón Việt Nam, đặc biệt ở mảng urê

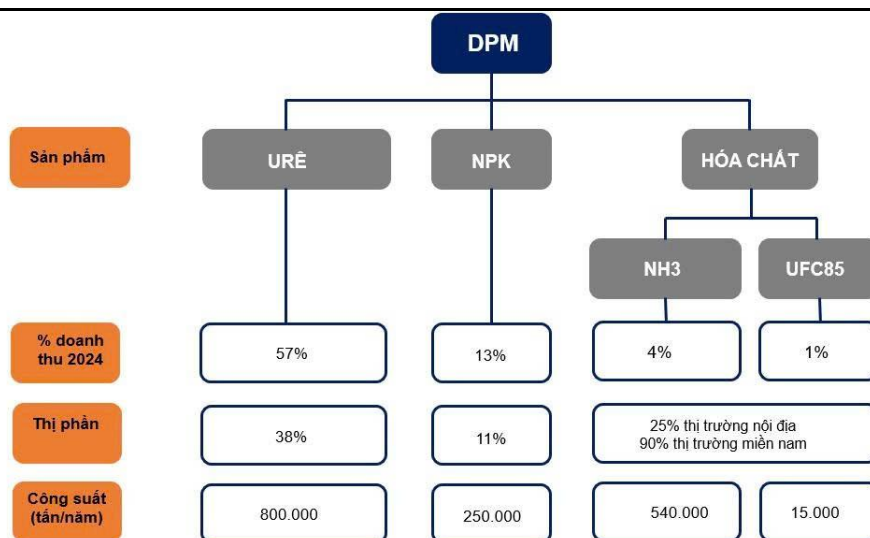
DPM - thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN), là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất tại Việt Nam. Doanh nghiệp sở hữu 8 đơn vị thành viên, bao gồm 4 công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm của doanh nghiệp đến các khu vực trên toàn quốc. Thị trường nội địa hiện chiếm hơn 90% tổng doanh thu của DPM. Ngoài tiêu thụ trong nước, doanh nghiệp còn xuất khẩu sản phẩm sang các nước trong khu vực như Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan và Philippines. Sau 20 năm hoạt động, DPM hiện dẫn đầu thị trường tiêu thụ ure nội địa với 38% thị phần. Các sản phẩm khác như NPK/NH₃ chiếm lần lượt 11%/25% thị phần trong nước.

Hình 22: DPM là thành viên của PVN



Nguồn: PETROVIETNAM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 23: Hệ thống sản phẩm của DPM



Nguồn: VNDIRECT RESEARCH

Phụ lục 2: Các dự phóng tài chính trọng yếu

Báo cáo KQ HĐKD

(Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Doanh thu thuần	12.786	18.627	13.569	13.496	16.564	22.632	20.632
Giá vốn hàng bán	8.001	10.789	11.917	11.598	13.626	18.215	17.213
Lợi nhuận gộp	4.786	7.838	1.652	1.898	2.939	4.417	3.419
Chi phí QLDN	425	556	502	703	912	1.097	875
Chi phí bán hàng	818	978	848	837	1.017	1.143	1.042
LN hoạt động	3.543	6.304	301	358	1.010	2.177	1.502
EBITDA thuần	4.080	6.819	704	752	1.361	2.624	1.951
Chi phí khấu hao	537	515	403	394	351	448	449
LN HĐ trước thuế và lãi vay	3.543	6.304	301	358	1.010	2.177	1.502
Thu nhập tài chính	176	365	458	369	487	601	495
Chi phí tài chính	75	85	71	65	164	183	146
Thu nhập ròng khác	153	19	1	4	18	19	22
Thu nhập từ công ty LDLK	3	3	3	3	3	3	3
Lợi nhuận trước thuế	3.799	6.606	691	669	1.353	2.616	1.877
Chi phí thuế	628	1.021	161	115	258	498	357
Lợi nhuận ròng	3.117	5.565	519	538	1.074	2.076	1.489
LN ròng sau điều chỉnh	3.117	5.565	519	538	1.074	2.076	1.489

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
Tiền & Tương đương tiền	2.524	2.084	1.242	1.005	1.168	1.272	1.285
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.455	6.880	5.385	9.464	7.835	8.350	9.125
Các khoản phải thu ngắn hạn	263	235	432	276	1.054	1.298	1.226
Hàng tồn kho	2.776	3.871	1.911	1.731	3.434	2.895	2.735
Tài sản ngắn hạn khác	276	285	385	367	683	933	850
Tổng tài sản ngắn hạn	9.520	13.579	9.565	13.220	14.510	15.367	15.765
Tài sản cố định	3.717	3.255	2.988	2.711	2.463	2.583	2.337
Tổng đầu tư	255	242	224	215	206	197	187
Tài sản dài hạn khác	252	403	270	316	347	347	347
Tổng tài sản	13.918	17.699	13.309	16.552	17.777	18.794	18.987
Nợ vay ngắn hạn	200	202	-	3.422	4.164	3.164	2.664
Phải trả người bán	1.407	1.963	1.297	1.207	1.320	1.945	1.820
Phải trả ngắn hạn khác	544	831	188	570	544	495	495
Tổng nợ ngắn hạn	2.152	2.996	1.484	5.199	6.028	5.604	4.979
Nợ vay dài hạn	700	505	-	-	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	353	181	280	174	215	215	215
Vốn điều lệ	3.935	3.935	3.935	3.935	6.821	6.821	6.821
Lợi nhuận giữ lại	3.086	6.401	2.838	2.470	2.813	4.220	5.007
Vốn chủ sở hữu	10.713	14.017	11.545	11.180	11.526	12.974	13.792
Lợi ích cổ đông thiểu số	198	186	175	177	180	223	253
Tổng nợ và VCSH	13.918	17.699	13.309	16.552	17.770	18.794	18.987

Báo cáo LCTT

(Tỷ đồng)	<u>2021</u>	<u>2022</u>	<u>2023</u>	<u>2024</u>	<u>2025</u>	<u>2026</u>	<u>2027</u>
Lợi nhuận trước thuế	3.799	6.606	691	669	1.353	2.616	1.877
Khấu hao	537	515	403	394	351	448	449
Thuế đã nộp	(302)	(1.209)	(345)	(65)	(283)	(498)	(357)
Các khoản điều chỉnh khác	20	0	0	0	0	0	0
Thay đổi vốn lưu động	(1.450)	(1.018)	961	(21)	(3.341)	429	196
LC tiền thuần từ HĐKD	2.516	4.961	945	948	(2.072)	2.851	2.052
Đầu tư TSCĐ	(222)	(77)	(241)	(85)	(129)	(570)	(200)
Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	0	0	0	0	0	0	0
Các khoản khác	(1.097)	(3.152)	1.916	(3.723)	2.207	(590)	(752)
Thay đổi tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0	0	0
LC tiền thuần từ HĐĐT	(1.319)	(3.227)	1.676	(3.808)	2.081	(1.160)	(952)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	0	0	0	0	0	0	0
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ	0	0	0	0	0	0	0
Tiền vay ròng nhận được	(145)	(200)	(707)	3.422	742	(1.000)	(500)
Dòng tiền từ HĐTC khác	0	0	0	0	0	0	0
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(558)	(1.977)	(2.755)	(801)	(587)	(587)	(587)
LC tiền thuần từ HĐTC	(702)	(2.177)	(3.463)	2.621	155	(1.587)	(1.087)
Tiền & Tương đương tiền đầu kỳ	2.029	2.524	2.084	1.242	1.005	1.168	1.272
LC tiền thuần trong kỳ	495	(440)	(842)	(237)	163	104	13
Tiền & Tương đương tiền cuối kỳ	2.524	2.084	1.242	1.005	1.168	1.272	1.285

Chỉ số tài chính

Chỉ số định giá	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027
EPS (VND)	7.965	14.218	1.327	1.374	1.579	3.053	2.190
P/E	2,8	1,6	16,7	16,1	14,0	7,2	10,1
PEG 1 năm	3,3	0,4	21,2	(17,7)	397,3	48,5	10,8
EV/EBIT	2,2	1,3	27,5	33,3	19,3	8,5	11,9
EV/EBITDA	1,7	0,5	7,1	1,0	6,9	3,5	4,2
P/S	1,3	0,9	1,2	1,2	1,0	0,7	0,8
P/B	1,4	1,1	1,3	1,3	1,3	1,2	1,1
Tỷ suất cổ tức	3,4%	12,0%	16,7%	4,9%	3,6%	4,1%	4,1%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	81%	63%	50%	154%	109%	63%	33%

Chỉ số tăng trưởng

Tăng trưởng DT	64,7%	45,7%	-27,2%	-0,5%	22,7%	36,6%	-8,8%
Tăng trưởng LN gộp	15,1%	4,7%	-29,9%	1,9%	3,7%	1,8%	-2,9%
Tăng trưởng LN ròng	352,0%	76,1%	-90,5%	4,6%	97,7%	93,3%	-28,2%
Tăng trưởng EPS	350,9%	78,5%	-90,7%	3,5%	14,9%	93,3%	-28,2%

Chỉ số hiệu quả sinh lời

Biên LN gộp	37,4%	42,1%	12,2%	14,1%	17,7%	19,5%	16,6%
Biên EBITDA	34,5%	38,6%	8,4%	8,2%	11,1%	14,3%	0,0%
Biên LN hoạt động	27,7%	33,8%	2,2%	2,7%	6,1%	9,6%	7,3%
Biên LN ròng	24,4%	29,9%	3,8%	4,0%	6,5%	9,2%	7,2%
ROAA	22,4%	31,4%	3,9%	3,2%	6,0%	11,0%	7,8%
ROAE	32,9%	45,0%	4,1%	4,7%	9,5%	16,9%	11,1%

Chỉ số đòn bẩy

Khả năng trả lãi (EBIT/Lãi vay)	51,1	97,3	5,9	7,5	7,1	12,1	12,9
EBITDA / (Lãi vay + Capex)	-26,7	-537,1	-3,7	-20,0	108,3	-6,7	-23,4
Nợ vay / Vốn	7,8%	4,8%	0,0%	23,4%	26,5%	19,6%	16,2%
Nợ vay / VCSH	8,4%	5,0%	0,0%	30,6%	36,1%	24,4%	19,3%
Nợ vay ròng / VCSH	47,4%	58,9%	57,4%	63,0%	42,0%	49,8%	56,2%

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tổng tài sản	1,0	1,2	0,9	0,9	1,0	1,2	1,1
Vòng quay khoản phải thu	53,0	75,3	41,1	38,6	25,3	19,5	16,6
Số ngày phải thu	12	9	15	18	23	19	33
Vòng quay khoản phải trả	13,1	13,2	14,6	15,9	20,0	23,2	19,7
Số ngày phải trả	35	29	24	22	18	18	18
Vòng quay hàng tồn kho	3,8	3,2	4,1	6,4	5,3	5,8	6,1
Số ngày tồn kho	127	131	59	54	92	58	58
Hệ số thanh toán hiện hành	4,4	4,5	6,4	2,5	2,4	2,7	3,2
Hệ số thanh toán nhanh	3,1	3,2	5,2	2,2	1,8	2,2	2,6

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích và Tư vấn đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này.

VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

Định nghĩa:

KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên trong vòng 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15% trong vòng 12 tháng tới

KÉM KHẢ QUAN Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10% trong vòng 12 tháng tới.

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

Định nghĩa:

TÍCH CỰC Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TRUNG TÍNH Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

TIÊU CỰC Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

Hoàng Việt Phương – Giám đốc Khối nghiên cứu và Tư vấn đầu tư

Email: phuong.hoangviet@vndirect.com.vn

Nguyễn Ngọc Hải – Trưởng Phòng

Email: hai.nguyenngoc2@vndirect.com.vn

Dương Thị Thu Huế – Chuyên viên Phân tích

Email: hue.duongthu@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Phường Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>